

Dân tộc học



NƯỚC NGOÀI

ĐÔI NÉT VỀ NGHIÊN CỨU VĂN HÓA

ĐÔ THỊ VÀ BIẾN ĐỔI VĂN HOÁ

TRẦN THỊ HỒNG YẾN

Đô thị là nơi hội tụ của nhiều dòng văn hoá, để từ đó lại tiếp tục lan toả đến những khu vực khác. Bởi vậy, nghiên cứu văn hóa đô thị là đề tài hấp dẫn, được nhiều nhà khoa học thuộc các lĩnh vực dân tộc học/nhân học, xã hội học, văn hóa học, lịch sử... quan tâm. Bài viết này sẽ điểm lại nghiên cứu văn hoá đô thị và sự biến đổi của văn hoá của một số tác giả trên thế giới và ở Việt Nam, qua đó, hy vọng cung cấp cho người đọc một số cách tiếp cận nghiên cứu văn hoá đô thị, đặc biệt là vấn đề giao lưu, biến đổi văn hoá.

1. Nghiên cứu văn hóa đô thị trên thế giới nửa đầu thế kỷ XX

Phát triển là qui luật tự nhiên, tất yếu của bất cứ xã hội nào và sẽ kéo theo những biến đổi về văn hóa (bao hàm cả những biến đổi về xã hội). Do vậy biến đổi về xã hội, văn hóa, được hiểu theo nghĩa rộng là quá trình vận động của tất cả các xã hội (Nguyễn Thị Phương Châm, 1999, tr. 9). Bước ngoặt thu hút mạnh mẽ sự chú ý của các nhà nhân học, xã hội học đến với lĩnh vực đô thị là công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, kéo theo nó là quá trình đô thị hóa mạnh mẽ, đã làm phát sinh vô số vấn đề xã hội, văn hóa cần giải quyết (Trịnh Duy Luân, 2004, tr. 15).

Trong thời kỳ đầu, các công trình nghiên cứu về đô thị thường tập trung tìm hiểu cơ cấu tổ chức và văn hóa đô thị (lối sống, nếp sống...). Phần lớn các tác giả đều cho rằng, nguyên nhân gây nên sự biến đổi về xã hội và văn hóa trong xã hội đô thị là do đặc trưng của chính các đô thị. Những kết luận này mang tính “*định kiến đô thị?*” hay “*phản đô thị?*”.

Các nhà kinh điển Emile Durkheim, Max Weber, George Simmel, Oswald Spengler... đều cho rằng tổ chức xã hội đô thị như là một khuôn mẫu khác hẳn về chất so với các khuôn mẫu điển hình ở nông thôn. Đó là nguyên nhân đô thị sẽ sản sinh ra những phong cách sống khác biệt so với nông thôn và con người đô thị cũng có những kiểu cá tính độc đáo, dễ bị rối loạn tâm thần.

Năm 1903, George Simmel trong công trình nghiên cứu “*Các siêu đô thị và đời sống tinh thần?*” đã thể hiện định kiến phản đô thị khi tranh luận về lối sống đô thị và nhân cách. Khi xem xét tổ chức xã hội và văn hóa, ông mô tả các loại hình đô thị và chỉ ra những hậu quả của sự tập trung dân cư quá đông. Đây là nguyên nhân dẫn đến hình thành những đặc trưng vật thể của đô thị cũng như những đặc trưng xã hội của thị dân. Ông cho rằng, nền văn hóa được định

hướng của các đô thị có ảnh hưởng nghiêm trọng đến lối sống đô thị và nhân cách con người. Đô thị gây ra sự lệch chuẩn và các hành vi tội phạm. Tuy nhiên, nó cũng cho phép con người có cơ hội để phát triển tối đa những tiềm năng của họ và trở nên tự do hơn. Mặt khác, do tính phức tạp của đời sống đô thị nên khi sống, con người phải vận dụng một năng lượng tâm lý lớn hơn khi họ sống ở nông thôn. Điều này gây ra cho người dân đô thị sự quá tải đối với hệ thần kinh, nhưng họ lại luôn đóng kín sự căng thẳng này và sau đó phản ứng lẫn nhau theo một cách phi biểu cảm và ông xem đây là cách thức để giảm các kích thích thần kinh ở đô thị (dẫn theo: Trịnh Duy Luân, 2004, tr. 32-33).

Max Weber trong tác phẩm *Thành phố* (*The City*, bản tiếng Anh 1958) đã chứng minh rằng cơ cấu xã hội của đô thị góp phần phát triển cá tính của con người và do vậy, nó là công cụ cho biến đổi xã hội lịch sử. Các đô thị có các thiết chế thực hiện chức năng kinh tế, pháp lý và bảo vệ, văn hóa, xã hội chịu sự tác động của thiết chế này.

Năm 1938, tác phẩm *Đặc trưng đô thị như là một lối sống* của L. Wirth thuộc trường phái Chicago, đã phác họa bộ mặt xã hội đô thị Mỹ đương thời. Theo ông, đô thị có ba đặc trưng lớn là: dân số quá đông, mật độ cư trú cao và tính chất xã hội khác biệt đã tạo ra một hệ thống bị chuyên biệt hóa, các thiết chế bị hình thức hóa và các khuôn mẫu đời sống xã hội điển hình của cư dân đô thị (sự phân công lao động được chuyên môn hóa; sự tăng cường phân chia chức năng, vai trò trong các quan hệ xã hội; sự gia tăng các hình thức tổ chức hiệp hội tự nguyện; sự đa nguyên về chuẩn mực, sự bao dung và khoan dung; thể tục hóa đời sống tôn giáo; sự gia tăng các

xung đột xã hội; gia tăng tầm quan trọng của các phương tiện truyền thông đại chúng).

Theo Wirth, đời sống đô thị có ảnh hưởng tiêu cực tới cá nhân. Những thay đổi to lớn về cơ cấu và thiết chế trong quá trình đô thị hóa đã để lại những hậu quả nghiêm trọng cho người thị dân. Thần kinh họ bị kích thích, tâm lý căng thẳng, họ phải giữ vị trí cách ly với thế giới xã hội đô thị quá chuyên biệt, quá nhiều thông tin (dẫn theo: Trịnh Duy Luân, 2004, tr. 39).

Cả Simmel và Wirth và các nhà nghiên cứu tiền bối nói trên đều qui trách nhiệm về các hành vi lệch chuẩn và mất trật tự thường thấy ở các đô thị là do sự phức tạp và các mô hình tổ chức của các đô thị gây ra.

Bên cạnh việc nghiên cứu về cơ cấu tổ chức, lối sống, nếp sống đô thị..., một số tác phẩm khác đề cập đến vấn đề tệ nạn xã hội ở các đô thị hay còn gọi là các xã hội “bóng tối”. Hàng loạt các tác phẩm nghiên cứu về các vấn đề tệ nạn xã hội ở đô thị như: *Băng nhóm* (*The Gang*, 1927), *Bờ biển vàng và khu ổ chuột* (*The Gold coast and Slum*, 1929), *Gái nhảy chuyên nghiệp* (*The taxi - hall dancers*), *Xã hội góc phố - cấu trúc xã hội của một khu ổ chuột người gốc Ý* (1943)...

Đáng chú ý là tác phẩm *Xã hội góc phố - cấu trúc xã hội của một khu ổ chuột người gốc Ý* của William Foote Whyte, ra đời vào năm 1943. Đây là tác phẩm nhân học đô thị nghiên cứu cấu trúc xã hội dựa trên cơ sở lý thuyết cấu trúc - chức năng. Qua ba năm rưỡi điền dã (1936 - 1940) ở một khu phố Boston được cho là nguy hiểm và huyền bí, nơi sinh sống của những băng nhóm tội phạm xã hội, tác giả đã chỉ ra các quan hệ xã hội của “thế giới ngầm”. Ở đây, ngoài luật pháp nhà nước, khu phố này còn được điều chỉnh

bằng những mối quan hệ và mạng lưới riêng trong đời sống xã hội. Qua đó, tác giả cũng nêu ra vấn đề làm thế nào mà cộng đồng cư dân ở đây có thể hòa nhập với khu vực (dẫn theo: Nguyễn Vũ Hoàng, 2008, tr. 61)

2. Nghiên cứu văn hóa đô thị nửa sau thế kỷ XX

Nửa sau thế kỷ XX, cách tiếp cận nghiên cứu văn hóa đô thị đề cao các đặc trưng vật thể vừa nêu trên (qui mô lớn, mật độ cao, sự khác biệt về thành phần xã hội) đã bị Herbert Gans và R. E. Pahl bác bỏ. Hai ông cho rằng về mặt lý thuyết, cách tiếp cận như vậy sẽ dẫn đến chủ nghĩa tự nhiên vì coi đó là nguyên nhân chứ không phải là hậu quả của các quá trình xã hội.

Năm 1970, Manuel Castell đã đưa ra một luận thuyết mới về nghiên cứu văn hóa đô thị qua công trình *Vấn đề đô thị* (The Urban Question). Trong đó, ông coi đô thị là “một không gian cho sự tiêu dùng tập thể”, đưa ra quan niệm về tầm quan trọng của các phong trào xã hội ở đô thị, quan điểm mác-xít mới về tính tự trị tương đối của nhà nước.

Những năm gần đây, Manuel Castell tiếp tục công bố các công trình nghiên cứu tiếp theo như *Thành phố thông tin* (The Information City, 1989), *Xã hội thông tin và nhà nước phúc lợi: Mô hình Phần Lan* (Sách viết chung, 2002). Qua đó, ông chỉ ra vai trò của cuộc cách mạng công nghệ thông tin đối với nền sản xuất tư bản chủ nghĩa và đặc biệt với sự phát triển của đô thị và phát triển vùng (dẫn theo: Trịnh Duy Luân, 2004, tr. 22-23).

Bên cạnh đó, chủ đề nghiên cứu văn hóa và biến đổi văn hóa do tác động của công nghiệp hóa và toàn cầu hóa, được thể hiện sâu sắc trong quá trình đô thị hoá, đặc

biệt ở các nước đang phát triển đã thu hút mạnh mẽ các nhà nghiên cứu.

Năm 1959, chuyên khảo *Năm gia đình - Một số trường hợp nghiên cứu ở Mexico về văn hóa nghèo* của Oscar Lewis đã ra đời sau nhiều năm điền dã ở đô thị của Mexico. Đây là nghiên cứu về biến đổi văn hóa của những người dân di cư vào đô thị và vấn đề đói nghèo. Trong tác phẩm, Lewis đã chỉ ra, để đối phó với cuộc sống mới nơi đô thị, những người di cư thường có các mối quan hệ chặt chẽ với những vùng nông thôn, quê hương nơi họ ra đi để tìm sự trợ giúp lúc khó khăn. Đối với những người Tepoztlán di cư vào thành phố, với thu nhập thấp họ đã phải thích nghi với điều kiện cuộc sống vật chất thấp, và quá trình đó được con cháu họ kế thừa một cách tự nhiên, theo tác giả, đó là “văn hóa của đói nghèo”. Đây là một khái niệm mới. Qua đó, tác giả rút ra kết luận: đô thị hóa là một quá trình không đơn lẻ, không đơn nhất và không có tính phổ quát mà là các quá trình khác biệt về cả hình thức và ý nghĩa, phụ thuộc vào các điều kiện lịch sử, kinh tế, xã hội và văn hóa cụ thể.

Năm 1963, sau 6 năm đã điền dã ở Indonexia, Clifford Geertz đã có công trình *Nhà buôn và hoàng tử - Biến đổi về xã hội và hiện đại hóa kinh tế của hai thị trấn ở Indonexia*. Nội dung đề cập đến những biến đổi văn hóa dưới tác động của hiện đại hóa, đô thị hóa ở hai thị trấn Modjokuto ở đảo Java và Tabanan ở Bali. Qua nghiên cứu quá trình công nghiệp hóa của thị trấn Modjokuto từ nền kinh tế buôn bán lẻ, trở thành những nhà máy và Tabana - từ nền tảng nông nghiệp đã thành khu thương mại, tác giả đã đưa ra nhận xét: những biến đổi về văn hóa diễn ra theo nhiều con đường khác nhau, phụ thuộc vào hoàn cảnh lịch sử

và đặc thù của từng địa phương (dẫn theo: Nguyễn Vũ Hoàng, 2008, tr. 62-63).

Với nghiên cứu trên, Clifford Geertz đã có những đóng góp quan trọng về mặt lý thuyết hiện đại hóa. Trong khi các nhà kinh tế học cho rằng, hiện đại hóa là bước nhảy đột phá về chất từ tình trạng trì trệ lên tăng trưởng kéo dài, thì ông cho rằng quá trình đó chỉ diễn ra từ từ trong một khoảng thời gian và bằng những những con đường riêng của các địa phương.

Vài ba thập niên trở lại đây, biến đổi văn hóa không còn diễn ra trong phạm vi các quốc gia như trước mà nó trở thành vấn đề toàn cầu, ảnh hưởng đến tất cả các nước. Đây là quá trình không thể “cưỡng lại” được. Các nhà nhân học, xã hội học, văn hóa học... đặc biệt hướng sự chú ý của mình vào nghiên cứu biến đổi xã hội, văn hóa trong thời đại công nghệ thông tin và toàn cầu hóa.

Alvin Toffler, 1992 với tác phẩm *Làn sóng thứ ba* (The third wave), đã chỉ ra nguyên nhân của những biến đổi văn hóa của các xã hội loài người từ trước tới nay đó là sự phát triển của lực lượng sản xuất, đặc biệt là của khoa học kỹ thuật, công nghệ. Khi nền kinh tế thay đổi thường kéo theo sự biến đổi của các yếu tố tâm lý, văn hóa truyền thống, thậm chí cả thể chế xã hội.

Tác giả đã dùng hình ảnh *làn sóng* để chỉ các nền văn minh mà loài người đã trải qua. Cho tới nay, loài người đã trải qua được hai làn sóng: làn sóng thứ nhất là sự ra đời của nông nghiệp và cùng với nó là nền văn minh nông nghiệp; làn sóng thứ hai là sự ra đời của công nghiệp hóa và cùng với nó là nền văn minh công nghiệp; và hiện nay loài người đang trải qua làn sóng thứ ba - nền văn minh hậu công nghiệp. Công nghệ thông tin,

công nghệ sinh học là cơ sở của nền kinh tế tương lai mà làn sóng thứ ba đề cập tới.

Đặc biệt, thời đại chúng ta đang sống hiện nay là thời đại chuyển giao từ làn sóng thứ hai sang làn sóng thứ ba với những biểu hiện của nó là khủng hoảng mang tính chất toàn cầu như: ô nhiễm môi trường, đại dương, khí quyển, nguồn tài nguyên cạn kiệt, bệnh SIDA trở thành hiểm họa của loài người, chiến tranh sắc tộc... Tuy nhiên, ngành công nghệ thông tin, nền kinh tế trí thức cũng tạo nên một kiểu văn hóa tổ chức và hoạt động xã hội hoàn toàn khác. Biểu hiện rõ nét nhất là ảnh hưởng của các “ngôi nhà điện tử” (hàm ý chỉ những máy móc, thiết bị công nghệ thông tin cho phép con người có thể làm việc ở một nơi khác nơi sản xuất, điều khiển từ xa, có thể ở tại gia đình của mình) đến hoạt động cộng đồng, tâm lý cá thể, phương thức quản lý lao động, môi trường và nhiều vấn đề khác (Toffler, 1992).

Khi tìm hiểu mối quan hệ của văn hóa truyền thống với quá trình phát triển, các tác giả Samuel P. Huntington, Ronald Inglehart, Wayne E. Baker... đều khẳng định sự trường tồn và vai trò quan trọng của các giá trị truyền thống trên bước đường phát triển của mỗi quốc gia.

Samuel P. Huntington (1993) trong một bài viết: “*Cuộc đụng độ giữa các nền văn minh*” (The Clash of Civilizations), đã gây tiếng vang lớn đến các nhà chính trị, văn hóa Mỹ cũng như trên toàn thế giới. Tác giả cho rằng hiện nay các cuộc chiến tranh giữa các quốc gia, giữa các hệ tư tưởng và chiến tranh lạnh... đã kết thúc. Thế giới đang bước vào cuộc chiến tranh mới là *cuộc chiến giữa các nền văn minh*.

Huntington đã chia nền văn minh thế giới từ sáu đến tám nền văn minh lớn: Tây phương (Ki-tô giáo và Tin lành); Trung Hoa (Khổng giáo); Nhật Bản (Thần giáo, Phật giáo và Khổng giáo); Hồi giáo, Ấn Độ (Hin-đu giáo); Xlavo (Chính Thống giáo); Mỹ La Tinh và có thể Phi Châu Hạ Sahara. Các nền văn minh đều đồng nhất trong lịch sử với một đạo giáo lớn. Cuộc đụng độ giữa các nền văn minh sẽ xảy ra ở hai cấp độ:

+ Ở nơi tiếp giáp với các nền văn minh sẽ là chiến tranh bằng vũ khí để xâm chiếm đất đai biên giới, xác lập ưu thế của mình đối với quốc gia khác.

+ Ở mức độ cao, những quốc gia có tranh chấp về quân sự và kinh tế thuộc nhiều nền văn minh khác nhau sẽ tìm cách kiểm soát các định chế quốc tế và kết hợp với đồng minh, nhằm phổ biến những giá trị đạo giáo chính trị của mình. Trong bối cảnh mới này, theo ông, nền văn minh phương Tây sẽ rơi vào cô lập và phải đơn thân đương đầu với phần còn lại của cả thế giới, đó là Liên minh Khổng - Hồi tiềm tàng đông đảo, hùng mạnh (Trung Quốc với một số cường quốc Ả Rập).

Qua đó tác giả đi đến kết luận: “Điều mà tương lai dành cho chúng ta không phải là một nền văn minh phổ quát, mà là một thế giới được tạo lập bởi nhiều nền văn minh khác nhau, trong đó mỗi thành viên đều phải học tập sống chung với những thành viên khác” (Huntington, 1993).

Mặc dù còn nhiều điểm thiếu tính thuyết phục, song những quan điểm của Samuel P. Huntington đã khẳng định sức mạnh bền bỉ của văn hóa truyền thống của các quốc gia trong quá trình phát triển hiện nay. Điều này còn được hỗ trợ qua nghiên

cứ thực chứng của hai nhà khoa học Mỹ. Ronald Inglehart và Wayne E. Baker (Đại học Michigan, Mỹ) trong một nghiên cứu xã hội học *Hiện đại hóa, biến đổi văn hóa và sự duy trì những giá trị văn hóa truyền thống* dựa trên số liệu của ba đợt khảo sát *Những cuộc khảo sát giá trị thế giới*, về những thái độ, giá trị và niềm tin bao gồm 65 quốc gia, trên sáu lục địa, chiếm hơn 75% dân số thế giới, với mục đích kiểm tra hai luận điểm trái ngược nhau:

+ Những nhà lý thuyết hiện đại hóa từ Karl Max tới Daniel Bell đã cho rằng công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ dẫn tới những biến đổi văn hóa phong phú ở các xã hội. Kết quả là những giá trị truyền thống được thay thế bằng những giá trị hiện đại và nó sẽ hội tụ xung quanh một số tập hợp những giá trị “hiện đại”.

+ Những người khác từ Max Weber, Samuel P. Huntington lại tuyên bố rằng những giá trị văn hóa lại có ảnh hưởng lâu dài và tự trị lên xã hội.

Qua nghiên cứu của mình, các ông chỉ ra rằng các nhà lý thuyết hiện đại hóa chỉ đúng một phần. Bằng chứng thực nghiệm từ 65 xã hội đã cho thấy những giá trị có thể biến đổi và thực sự biến đổi, nhưng chúng cũng tiếp tục phản ánh di sản văn hóa của một xã hội. Đường ranh đạo giáo vẫn còn mạnh mẽ một cách đáng kinh ngạc trong đầu thế kỷ XXI này. Tại hầu hết các quốc gia, truyền thống đạo giáo vẫn tiếp tục qui định hệ thống giá trị đương đại, và ngay cả vùng kỹ nghệ hóa, tình cảm đạo giáo vẫn bền chặt, mặc dù việc hành đạo có phần giảm sút.

Các ông cũng đưa ra đề xuất mới về biến đổi lý thuyết hiện đại hóa:

+ Hiện đại hóa không diễn ra theo một đường thẳng. Sự phát triển kinh tế có xu hướng thúc đẩy những xã hội đi theo một hướng chung, nhưng thay vì hội tụ, chúng dường như tiếp tục những quỹ đạo song song của mình được hình thành bởi những di sản văn hóa của mình.

+ Bước chuyển từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp làm giảm tầm quan trọng của vai trò tôn giáo có tổ chức, nhưng điều này lại được cân bằng bởi những mối quan tâm tăng lên về ý nghĩa và mục đích cuộc sống. Những niềm tin tôn giáo duy trì và những vấn đề tinh thần được xác định rõ ràng, đang trở nên lan toả trong xã hội công nghiệp tiên tiến.

+ Sự biến đổi văn hóa dường như là độc lập. Phát triển kinh tế đưa đến những biến đổi về văn hóa rộng khắp nhưng thực sự là một xã hội được hình thành trong lịch sử bởi đạo Tin lành, Khổng giáo hay Hồi giáo để lại một di sản văn hóa với những ảnh hưởng tác động kéo dài ảnh hưởng đến sự phát triển sau này.

+ Sẽ sai lầm khi xem xét biến đổi văn hóa đồng nghĩa với “Mỹ hoá”. Sự phát triển vượt bậc của những nước châu Á (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc...) và châu Phi trong những năm gần đây đã chứng minh điều đó.

+ Hiện đại hóa là có thể chứ không mang tính chất quyết định. Biến đổi kinh tế tất yếu dẫn đến biến đổi một xã hội theo một hướng nào đó có thể đoán định được, nhưng nó phụ thuộc vào bối cảnh lịch sử, văn hóa của xã hội đó (Inglehart và Wayne, 2000).

Bên cạnh những nghiên cứu lý thuyết, đã xuất hiện khá nhiều các nghiên cứu trường hợp về văn hóa đô thị và biến đổi văn hóa trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hoá.

Nguyễn Tuyết Loan trong một nghiên cứu *Đô thị hóa bền vững ở Hàn Quốc: thành tựu và những vấn đề đặt ra* đã đề cập đến quá trình đô thị hóa ở Hàn Quốc - một trong những quốc gia có tốc độ đô thị hóa cao nhất ở châu Á. Trong đó, tác giả nêu lên những thành tựu, mặt trái của quá trình đô thị hóa. Trên cơ sở đó rút ra những bài học kinh nghiệm đối với các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam.

Hàn Quốc thực hiện chiến lược phát triển đô thị bằng cách nâng cấp mở rộng những đô thị đã có đồng thời xây dựng hàng loạt những đô thị vệ tinh có qui mô vừa và nhỏ là những trung tâm công nghiệp lớn. Chỉ trong vòng 15 năm (1975 - 1990), số đô thị vệ tinh đã tăng từ 4 lên 11 thành phố, là đầu tàu phát triển kinh tế và thu hút vùng nông thôn xung quanh, một kỳ tích mà chưa có quốc gia châu Á nào đạt được. Chỉ riêng ba thành phố Xơ - un, Pu san và Kung - nam đã đóng góp tới 66% vào GDP chung của cả nước. Sau 35 năm đô thị hóa (1970 - 2007), Hàn Quốc đã đạt được những thành tựu đáng kể: xây dựng, phát triển những khu đô thị lớn, trung tâm công nghiệp khổng lồ với hơn 88% dân số sống ở đô thị.

Tuy nhiên, đô thị hóa cũng gây nên bất cập như nạn di dân vào các đô thị, không đảm bảo an ninh lương thực quốc gia; chênh lệch mức sống giữa nông thôn - thành thị (thu nhập, chất lượng giáo dục, phúc lợi xã hội...); phân hóa xã hội nông thôn - thành thị; ô nhiễm môi trường ở nông thôn; nhiều tình hình dự án, vay tiền xây dựng khu đô thị mới với hy vọng làm đòn bẩy phát triển kinh tế, xong không thu hút được đầu tư và trở thành “thành phố bong bóng”, không phát huy được tác dụng nó...

Trần Thọ Quang (2008) đã có nghiên cứu về *Hệ quả của quá trình công nghiệp hóa, thành thị hóa nông thôn Trung quốc*. Trong bài viết, tác giả đã chỉ ra quá trình thành thị hóa nông thôn Trung Quốc đang diễn ra trên diện rộng đã gây nên những biến đổi to lớn không những ảnh hưởng đến quan niệm, tư tưởng, phương thức kinh doanh, thể chế tổ chức, mà còn liên quan đến chế độ sở hữu. Cụ thể, thu nhập của người nông dân giảm sút mạnh, phương thức sản xuất phải thay đổi vì mất đất canh tác, thiếu việc làm, mâu thuẫn xã hội gay gắt, sự khủng hoảng giao thoa văn hóa thành thị - nông thôn... Do xử lý những vấn đề này không thỏa đáng, một số địa phương xuất hiện “hình thức” là thành thị, nhưng “thực chất” vẫn là nông thôn với những phát sinh biến đổi lớn.

Bài viết của Dương Danh Dy (theo các báo và Website của Trung Quốc) *Nhà đất “ăn thịt người” ở Trung Quốc* cho thấy đô thị hóa “nóng” những năm gần đây đã làm cho số nông dân mất đất lên tới 40 - 50 triệu người. Theo ước tính, với tốc độ phát triển kinh tế của Trung Quốc như hiện nay thì chỉ sau 10 năm nữa sẽ là 100 triệu người. Tình trạng mất đất ồ ạt khiến nông dân mất việc làm ở Trung Quốc được ví như “*Nhà đất ăn thịt người*”, tương tự như câu “*Cừu ăn thịt người*” ở Anh vào thế kỷ XV.

Mất đất khiến nông dân mất đi kế sinh nhai, làm cho thu nhập giảm, đời sống khó khăn, lâm vào tình trạng nghèo khó. Nhiều thanh niên, lực lượng lao động chính tràn vào các thành phố kiếm sống, để lại cho làng quê những người già và trẻ nhỏ. Mất đất nông nghiệp cũng gây nên bất ổn chính trị: nhiều nơi nông dân nổi dậy đòi chính quyền trả lại ruộng đất (Hắc Long Giang, Thiểm Tây, Giang Tô) (Dương Danh Dy, 2009).

Kết luận

Trong nửa đầu thế kỷ XX, các nghiên cứu về văn hóa và biến đổi văn hóa đô thị tập trung vào tìm hiểu, lý giải các mặt đời sống đô thị như cơ cấu, thiết chế, lối sống, nếp sống... Phần lớn các nhà khoa học đã đưa ra những kết luận “định kiến đô thị”, cho rằng sự khác biệt về khuôn mẫu tổ chức đô thị khác biệt với nông thôn là nguyên nhân dẫn đến những biến đổi về văn hóa của thị dân. Điều này làm cho người ta lầm tưởng rằng các khuôn mẫu của đời sống đô thị là do chính các đô thị tạo ra chứ không phải là hậu quả của các quá trình xã hội. Bên cạnh đó, các nhà khoa học mới chỉ chú ý nghiên cứu những mảnh riêng biệt của cơ cấu kinh tế và xã hội của các thành phố mà chưa nghiên cứu chúng một cách tổng thể (Trịnh Duy Luân, 2004, tr. 21-22).

Bước sang nửa sau thế kỷ XX, những thiếu sót trên đây đã được khắc phục. Các nhà nghiên cứu đã đưa ra một hướng tiếp cận mới nghiên cứu đô thị một cách tổng thể, coi đô thị là “một không gian tiêu dùng tập thể”, chú ý đến các vấn đề quản lý đô thị, các phong trào xã hội ở đô thị...

Một thành tựu lớn phải kể đến trong giai đoạn này là các nhà nghiên cứu đã chỉ ra được nguyên nhân chính của biến đổi văn hóa đô thị (do các yếu tố *phát triển kinh tế*, cụ thể là công nghiệp hóa, hiện đại hoá và đô thị hóa; *khoa học công nghệ*, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học), chỉ ra mối quan hệ tác động qua lại giữa phát triển kinh tế và biến đổi văn hóa. Trong đó, các nhà nghiên cứu đều thừa nhận rằng, biến đổi kinh tế sẽ dẫn đến những biến đổi về văn hóa, nhất là ở các nước đang công nghiệp hóa. Tuy nhiên, biến đổi văn hóa không diễn ra theo đường thẳng, một chiều như các quan

điểm, lý thuyết trước đây đề cập, mà nó phụ thuộc và chịu sự chi phối mạnh mẽ của các yếu tố văn hóa truyền thống và vai trò của các cộng đồng, dân tộc chủ thể trong sự lựa chọn và tiếp biến văn hóa.

Trong các nghiên cứu nêu trên, việc khẳng định tính chất trường tồn của yếu tố văn hóa truyền thống và vai trò quan trọng của nó trong phát triển kinh tế là điểm khác biệt so với những quan niệm trước đây khi một số tác giả cho rằng hiện đại hoá, phát triển kinh tế sẽ tất yếu dẫn tới biến đổi giá trị văn hóa truyền thống và sự thay thế những giá trị văn hóa hiện đại mà các nước tư bản ở châu Âu và Mỹ là hình mẫu. Đây là đóng góp mới mang tính lý luận và thực tiễn khi các nhà khoa học xem xét, nhìn nhận về xu hướng biến đổi của văn hóa đô thị nói chung và văn hóa của các cộng đồng tộc người, các quốc gia trên toàn thế giới nói chung trong bối cảnh công nghiệp hóa, đô thị hóa và toàn cầu hóa.

Ngày nay văn hóa đã trở thành động lực, công cụ để phát triển kinh tế. Văn hóa còn là mục tiêu và đích hướng tới cho sự phát triển của tất cả các nước trên toàn thế giới. Bởi thế, nguyên Tổng thư ký UNESCO F. Mayor đã phát biểu trong Tuyên bố mở đầu phát động *Thập kỷ thế giới phát triển văn hóa* của Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa thế giới UNESCO: “Nước nào tự đặt cho mình mục tiêu phát triển kinh tế mà tách rời môi trường văn hóa thì nhất định sẽ xảy ra những mất cân đối nghiêm trọng cả về kinh tế lẫn văn hóa, và tiềm năng sáng tạo của nước ấy sẽ suy yếu đi rất nhiều” (<http://www.cinet.gov.vn/vanhua/vanhoc/xaydung/chuongiii/chuong3-1.htm>).

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Phương Châm (2009), *Biến đổi văn hóa ở các làng quê hiện nay*, Nxb Văn hóa - Thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội.
2. Dương Danh Dy (2009), *Nhà đất “ăn thịt người” ở Trung Quốc*, trên trang <http://www.tinmoi.vn/Nha-dat-an-thit-nguoi-o-Trung-Quoc-0522452.html>, truy cập ngày 15 tháng 5 năm 2009.
3. Nguyễn Vũ Hoàng (2008) “Nhân học đô thị - Vài tiếp cận trong những nghiên cứu về phương Tây và Đông Nam Á”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 60-70.
4. Huntington, Samuel P. (1993), *Cuộc đụng độ giữa các nền văn minh (The Clash of Civilizations)*, trên trang <http://www.vanhoahoc.edu.vn/content/view/417/68/>, truy cập ngày 27 tháng 3 năm 2009.
5. Inglehart, Ronald và Wayne, E. Baker (2000), *Hiện đại hóa, biến đổi văn hóa và sự duy trì những giá trị văn hóa truyền thống*, trên trang <http://viettems.com/files/modernization.pdf>, truy cập ngày 30 tháng 6 năm 2009.
6. Nguyễn Tuyết Loan, *Đô thị hóa bền vững ở Hàn Quốc: thành tựu và những vấn đề đặt ra*, trên trang <http://www.tapchiconsan.org.vn>, truy cập ngày 1 tháng 8 năm 2007.
7. Trịnh Duy Luân (2004), *Xã hội học đô thị*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Trần Thọ Quang (2008), *Hệ quả của quá trình công nghiệp hóa, thành thị hóa nông thôn Trung Quốc*, trên trang <http://www.tapchiconsan.org.vn>, truy cập ngày 14 tháng 11 năm 2008.
9. Toffler, Alvin (1992), *Làn sóng thứ ba (The third wave)*, trên trang http://chungta.com/Desktop.aspx/ChungTa-SuyNgam/Van-Hoa/Dot_song_thu_ba/, truy cập ngày 17 tháng 1 năm 2007.
10. *Xử lý vấn đề văn hóa trên phạm vi toàn cầu*, trên trang <http://www.cinet.gov.vn/vanhua>.
11. Weber, Max (1958), *The City*, N.Y, Free Press.